TAND HUYỆN S
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 06/2017/HNGĐ- ST
Ngày: 17 - 8 - 2017
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Thu Thủy
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Kim
2. Ông Doãn Đức Hà
- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Thanh Hóa.
- Đại diện VKSND huyện S, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Không

Ngày 17 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2017/TLST - HNGĐ ngày 03/7/2017 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 08/2017/QĐST- HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị N - sinh năm 1986.
ĐKHKTT: Số nhà 105 Khối 4, thị trấn T, huyện S, Thanh Hóa.
Nơi ở hiện nay: Thôn 2 Kim Sơn, xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Lê Hồng T - sinh năm 1980.
Địa chỉ: Số nhà 105 Khối 4, thị trấn T, huyện S, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2017, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Lê Hồng T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện C, tỉnh Thanh Hóa ngày 08/6/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được vài năm đầu, đến năm 2012 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên đi làm ăn xa, mỗi khi về nhà lại gây sự với chị và nói chị không chung thủy, rồi chửi mắng, đánh đập chị. Chị N thấy cuộc sống gia đình ngày càng trở nên căng thẳng, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 10 năm 2012 chị N đã về nhà mẹ đẻ tại thôn 2, xã G, huyện C để ở và từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Hồng T.

- Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thị Hồng P - sinh ngày 04/7/2007. Nguyện vọng của chị N khi ly hôn: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu Lê Thị Hồng P và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai ngày 17/7/2017 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Hồng T trình bày:***

- Về hôn nhân: Anh Lê Hồng T và chị Trần Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện C, tỉnh Thanh Hóa ngày 08/6/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị N đã bỏ nhà đi từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị N làm đơn xin ly hôn, anh Lê Hồng T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị N có đơn xin ly hôn anh cũng đồng ý.

- Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thị Hồng P - sinh ngày 04/7/2007.

Nguyện vọng của anh T khi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cháu Lê Thị Hồng P và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Lê Hồng T đều đồng ý thỏa thuận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Lê Hồng T đều có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Chị N và anh T thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

{2} Về hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Lê Hồng T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện C, tỉnh Thanh Hóa ngày 08/6/2006 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau, anh T thường xuyên đi làm ăn xa, mỗi khi về hay gây sự và cho rằng thời gian anh đi làm xa chị N ở nhà không chung thủy, chị N không chịu được đã bỏ nhà đi từ năm 2012 đến nay không ai quan tâm đến ai. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh T không thể hàn gắn được nữa. Chị N xin ly hôn, anh T cũng đồng ý. Vì vậy công nhận thuận

tình ly hôn giữa chị N và anh T là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

{3}Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thị Hồng P - sinh ngày 04/7/2007.

Nay ly hôn chị N và anh T đều có nguyện vọng được nuôi cháu Lê Thị Hồng P và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Việc chị N và anh T có nguyện vọng nuôi con là hoàn toàn chính đáng song cần xem xét đến điều kiện của mỗi bên để giao. Chị N và anh T đều có đủ điều kiện nuôi con, song HĐXX thấy rằng cháu P là con gái. Hơn nữa quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cháu P đều có vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy thấy cần giao cháu Lê Thị Hồng P cho chị N nuôi dưỡng và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

{4} Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

{5} Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 3; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục1, Phần II Danh mục án phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Lê Hồng T.

- Về con chung: Công nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thị Hồng P - sinh ngày 04/7/2007

Giao cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Thị Hồng P. Anh Lê Hồng T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Hồng T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị N đã nộp theo biên lai thu số AA/2011/02477 ngày 03/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt chị Trần Thị N, anh Lê Hồng T. Chị N, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- UBND xã G, huyện C;;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đào Thị Thu Thủy

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND H S;
- Chi cục THADS huyện S;
- UBND xã Hoàng Giang, Nông Cống;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Đào Thị Thu Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Lê Văn Kim **Doãn Đức Hà** **Đào Thị Thu Thủy**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND H S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Đào Thị Thu Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Chí Bạn **Nguyễn Thị Hằng** **Đào Thị Thu Thủy**